

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 21 /2020/DS-ST

Ngày: 19 – 8 - 2020

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Trúc và Ông Trần Xuân Anh
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 45/2020/TLST-DS ngày 8 tháng 6 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐST-DS ngày 4 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Hà Quang L - sinh năm 1970.

Chị Trịnh Thị N, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: SN 44/400B, phố T, thị trấn Tr, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Anh Hà Quang L

- **Bị đơn:** Ông Hà Văn M - sinh năm 1947.

Địa chỉ : SN 265, phố Giắt, thị trấn T, huyện T, Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2020 và bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa, anh Hà Quang L trình bày:

Ngày 24/11/2017 ông Hà Văn M đứng ra nhận nợ và cam kết trả nợ số tiền 970.000.000 (Chín trăm bảy mươi triệu đồng) với vợ chồng anh Hà Quang L và chị Trịnh Thị N (số tiền này do con gái ông tên là Hà Thị Cẩm V vay và nhận tiền từ anh L, chị N). Việc ông M đứng ra ký kết và giao dịch vay nợ được thể hiện tại " giấy vay tiền" viết ngày 24/11/2017. Thời hạn cho vay 2 năm (từ ngày 24/11/2017 đến 24/11/2019 âm lịch), mục đích vay kinh doanh, lãi hai bên tự thỏa thuận. Khi đến thời hạn trả nợ, ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà hai bên đã ký kết. Từ khi hết hạn trả nợ cho đến tháng 1/2020 ông M là người trực tiếp trả tiền nợ hàng tháng cho vợ chồng anh

L với tổng số tiền đã trả 285.500.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền nợ gốc còn lại là 684.500.000đ (Sáu trăm tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) nhiều lần gia đình anh L yêu cầu ông M phải trả số nợ trên, nhưng ông M không trả. Anh L khẳng định mặc dù chị N (vợ anh) không trực tiếp ký vào bên cho vay tại "giấy vay tiền" đối với bên vay là ông Hà Văn M, nhưng đây là số tiền chung của vợ chồng anh L, chị N. Khi giao tiền cho bố con ông M, chị N là người trực tiếp giao tiền. Nay vợ chồng anh L đề nghị Toà án tuyên buộc ông Hà Văn M phải thanh toán số tiền nợ gốc còn lại 684.500.000đ. Vợ chồng anh L không yêu cầu ông M trả lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Hà Văn M trình bày: Con gái ông là Hà Thị Cẩm V có vay của vợ chồng anh L, chị N số tiền 970.000.000 (Chín trăm bảy mươi triệu đồng) mục đích vay kinh doanh, ông M là người đứng ra nhận nợ và ký vào giấy vay nợ, việc ông ký vào giấy vay nợ là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, vì thương con, muốn tạo điều kiện cho chị V (con gái ông) có vốn làm ăn, nên ông đã ký vào giấy vay nợ và cam đoan có trách nhiệm trả nợ cho anh L. Thời hạn vay 2 năm, từ ngày 24/11/2017 đến 24/11/2019 âm lịch, ông M phải trả cho vợ chồng anh L số trên. Đến hạn trả nợ, do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, con gái ông là chị V đang phải chấp hành án phạt tù, nên ông M không trả được hết số nợ như trên, ông mới trả cho anh L được số tiền gốc 285.500.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền còn nợ lại là 684.500.000đ (Sáu trăm tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) ông M chưa trả thêm được đồng nào. Nay vợ chồng ông già yếu, bệnh tật, nợ nần nhiều nên ông M không còn khả năng để trả số tiền nợ trên cho vợ chồng anh L, ông M đề nghị anh L tạo điều kiện cho ông xin toàn bộ số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hà Quang L và chị Trịnh Thị N khởi kiện yêu cầu ông Hà Văn M trả nợ theo giấy vay nợ ngày 24/11/2017. Như vậy đây là vụ án về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 24/11/2017(âm lịch) ông Hà Văn M có viết giấy vay vợ chồng anh Hà Văn L số tiền 970.000.000 (Chín trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay 2 năm (từ ngày 24/11/2017 đến ngày 24/11/2019), đến hạn trả nợ, ông M mới trả được cho gia đình anh L được số tiền 285.500.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền nợ gốc còn lại là 684.500.000đ (Sáu trăm tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng), vợ chồng anh L không yêu cầu ông M phải trả lãi suất. Việc thỏa thuận và ký giấy vay nợ giữa ông M và vợ chồng anh L được

thể hiện tại giấy viết tay có chữ ký của anh L và ông M, hai bên cũng đã thừa chữ ký trên là của mình, việc giao dịch vay nợ là do các bên tự nguyện, không bị ép buộc. Mặc dù chị N không ký vào "giấy vay tiền", nhưng anh L khẳng định đây là số tiền chung của vợ chồng anh L, chị N. Như vậy yêu cầu của anh L, chị N có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng anh L, chị N.

Về nghĩa vụ trả nợ: Việc ông M đứng ra nhận nợ, trả nợ thay cho con gái ông là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, nên ông phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ lại là 684.500.000đ (Sáu trăm tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) cho vợ chồng anh L. Ông M có quyền khởi kiện vụ án khác đối với chị Hà Thị Cẩm V.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Trả lại số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp.

Ông Hà Văn M sinh năm 1947, là hội viên hội người cao tuổi, tại phiên tòa ông đề nghị được miễn án phí theo quy định của pháp luật, nên ông Minh được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 2 luật người cao tuổi.

2. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hà Văn L và chị Lê Thị N.
- Buộc ông Hà Văn M phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh L số tiền 684.500.000đ (Sáu trăm tám mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án, hàng tháng ông Hà Văn M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho ông Hà Văn M.

Trả lại cho anh L số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0004027 ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa là 18.285.000đ (Mười tám triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn đồng)

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS T
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trúc Trần Xuân Anh

Lê Thị Thủy

Nơi nhận:

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đào Hoàng Văn Ninh

Lê Thị Thủy

